

Bản án số 480/2019/HC-PT
Ngày 19-7-2019
V/v “Khiếu kiện hành vi hành chính
về việc không cấp Giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi
thường thiệt hại trong vụ án hành chính”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Minh

Ông Hoàng Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
Ông Nguyễn Kim Đoàn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 698/2018/TLPT-HC ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc: “Khiếu kiện hành vi hành chính về việc không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại trong vụ án hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2018/HC-ST ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1030/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trịnh Công Đ, sinh năm 1954 (có mặt);

Địa chỉ: Số 107/5 khu phố 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Anh D; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin vắng mặt đề ngày 12-7-2019);

Địa chỉ: Số 90 đường H, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Thanh C; Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên Môi trường thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Võ Thị H1, sinh năm 1954 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 107/5 khu phố 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Công Đ (có mặt).

3.2 Công ty xăng dầu Đ;

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn N2; Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc (vắng mặt không có lý do);

Địa chỉ: Số 40, Quốc lộ 1, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Trịnh Công Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Người khởi kiện ông Trịnh Công Đ có yêu cầu khởi kiện như sau:

1.1. Nội dung yêu cầu khởi kiện thứ nhất:

Từ năm 1984, ông sử dụng thửa đất số 28, tờ bản đồ số 41, diện tích 265,2m², tọa lạc tại 107/5, Khu phố 9, phường T, thành phố B; ông cũng đã đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*sau đây gọi tắt là giấy chứng nhận*) từ năm 1999. Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận đã xác nhận diện tích đất trên do ông nhận sang nhượng của ông Quý S năm 1984, không tranh chấp và đề nghị cấp giấy.

Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B có Thông báo số: 392/2008, cho ông thực hiện nghĩa vụ tài chính để nhận giấy chứng nhận; tuy nhiên, đất bị Công ty xăng dầu Đ tranh chấp. Ủy ban nhân dân (*sau đây gọi tắt là UBND*) thành phố B đã chỉ đạo ngưng cấp giấy; đồng thời, chỉ đạo UBND phường T hòa giải theo quy định (Công văn số: 34/2010).

Tại buổi hòa giải ngày 26-4-2006, ông đã chứng minh việc tranh chấp lối đi giữa ông với Công ty xăng dầu Đ đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 198/2006/DS-PT ngày 18-7-2006. Công ty xăng dầu Đ đã chặn lối đi của ông; nếu cần thiết, Công ty xăng dầu Đ có quyền yêu cầu thi hành án. Sau khi nghe ông trình bày, Công ty xăng dầu Đ đã đổi ý, không tranh chấp nữa.

Sau đó, ông tiếp tục yêu cầu UBND thành phố B chỉ đạo cấp giấy chứng nhận cho ông. UBND thành phố B tiếp tục chỉ đạo tại Công văn số: 7895/UBND-TCD ngày 22-8-2016, giao Phòng Tài nguyên và Môi trường và UBND phường T đề xuất xử lý trước ngày 10-9-2016. Tuy nhiên, đã quá thời hạn nhưng 02 cơ quan này không thực hiện. Phòng Tài nguyên và Môi trường đã có Thông báo số: 392/TB.VPĐK ngày 01-9-2008, cho ông đến nhận giấy chứng nhận.

Ngày 18-11-2016, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc UBND thành phố B phải cấp giấy chứng nhận cho ông theo quy định của Luật Đất đai.

1.2. Nội dung khởi kiện thứ hai (khởi kiện bổ sung):

Tại Báo cáo số: 79/BC.TTr ngày 05-4-2000, của Thanh tra thành phố B, thể hiện ông lấn chiếm 148m² của Cây xăng 28. Ngày 09-11-2002, UBND thành phố B cung cấp thông tin cho Báo Đồng Nai, tuyên truyền ông lấn chiếm 148m² của Cây xăng 28. Tại Báo cáo số: 26/BC UBND ngày 10-02-2009 của UBND thành phố B, thể hiện ông lấn chiếm 115m². Với 04 lần thể hiện việc ông lấn chiếm đất nêu trên là thiếu căn cứ; bởi lẽ: Diện tích đất bị thất thoát của Cây xăng 28, theo sơ đồ do Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện thì UBND thành phố B đã cấp cho 8 hộ dân; gồm các thửa đất 135, 134, 133, 132, 130, 129, 36 và 35; tuy nhiên, 02 báo cáo và 02 bài báo nêu trên không thể hiện nội dung này.

UBND thành phố B ban hành Công văn số: 34/UBND-XKT ngày 07-01-2010, căn cứ vào Công văn số: 154/2009 của Công ty xăng dầu Đ, đã chỉ đạo ngưng cấp giấy chứng nhận cho ông là không đúng; bởi vì, ông đã yêu cầu sao lục Công văn số: 154/2009 nhưng không được cung cấp để ông nộp cho Tòa án.

Công văn số: 7895/UBND-TCD ngày 22-8-2016 nêu trên là thiếu căn cứ; bởi vì, biên bản hòa giải ngày 26-4-2016 đã thể hiện Công ty xăng dầu Đ không tranh chấp đất với ông.

Công văn số: 2536/CNBH-HCTH ngày 17-5-2017 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh B, thể hiện việc ông chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính nên chưa phát giấy chứng nhận là thiếu căn cứ; bởi vì, nghĩa vụ tài chính không liên quan đến Công văn số 34 nêu trên. Mặt khác, ông đã thực hiện nghĩa vụ tài chính tại Biên lai số 0052719; nhưng do chưa xử lý các văn bản trái luật nên ông chưa nhận giấy chứng nhận.

Thực hiện Công văn số: 7667/VPCP-V.1 ngày 21-7-2017 của Văn phòng Chính phủ; tại Biên bản ngày 11-10-2017 do Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, đã đề nghị hủy các văn bản trái luật nêu trên.

Từ những nội dung trên, UBND thành phố B gây dư luận không tốt, làm tổn thất đến danh dự, tinh thần và vật chất của ông. Ngày 23-11-2017, ông có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung với các nội dung sau: Bồi thường tổn thất về tinh thần 87.500.000 đồng; bồi thường tiền sử dụng đất vượt hạn mức số tiền 4.784.050 đồng; tổng cộng: 92.284.000 đồng (chín mươi hai triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn đồng); đồng thời, đề nghị UBND thành phố B phải xin lỗi công khai ông trên phương tiện thông tin đại chúng.

2. Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B trình bày:

2.1. Đối với yêu cầu khởi kiện thứ nhất:

Trước năm 1970, đất do bà Nguyễn Thị T4 sử dụng xây dựng nhà cấp 4, diện tích 70m², được Ty Xây dựng Đ cấp quyền sở hữu ngày 06-5-1970 với diện tích 150m². Năm 1976, bà T4 bán lại căn nhà trên cho ông Quý S, ông S cũng có

đăng ký nhà ở và đất ở. Năm 1984, ông S bán lại căn nhà trên cho ông Nguyễn Văn B2 (không làm thủ tục); cùng năm 1984, ông B2 bán nhà lại cho ông Trịnh Công Đ; tuy nhiên, hồ sơ thủ tục là ông S bán nhà cho ông Đ. Ông S có làm giấy cam đoan về việc sử dụng căn nhà cấp 4 diện tích 70m² và sân vườn kèm theo 50m², được UBND phường T xác nhận ngày 30-6-1984.

Sau đó, ông Đ được Ty Xây dựng Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số: 2706/CN-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 24-8-1984 với diện tích nhà 70m². Năm 1999, việc đăng ký kê khai như ông Đ đã trình bày ở trên; tuy nhiên, thời điểm đó, ông Đ cùng với hộ ông Phạm Văn B3 và hộ ông Nguyễn Thành Đ5 có tranh chấp 01m² đường đi với Công ty xăng dầu Đ; do đó, ngày 07-01-2010, UBND thành phố B ban hành Công văn số: 34/UBND-XKT, với nội dung: Giao UBND phường T hòa giải tranh chấp. Giao Thanh tra thẩm tra hồ sơ xét cấp giấy đối với 03 hộ dân trên. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường và Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố, ngưng cấp giấy chứng nhận cả 03 hộ cho đến khi UBND tỉnh chấp thuận và tranh chấp đất đai đã được xử lý. Ngày 22-4-2014, UBND tỉnh Đồng Nai có Thông báo số: 3255/TB-UBND, về việc chấm dứt xem xét các nội dung đơn của ông Đ; bởi vì, Bản án dân sự phúc thẩm số: 198/2006/DSPT ngày 18-7-2006 đã bác yêu cầu tranh chấp 01m² lối đi của ông Đ đối với Công ty xăng dầu Đ.

Sau khi có ý kiến của UBND tỉnh Đồng Nai nêu trên, UBND phường T xét duyệt hồ sơ, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh B thẩm định, Phòng Tài nguyên – Môi trường tham mưu, UBND thành phố B đã ký cấp giấy chứng nhận cho ông Trịnh Công Đ; tuy nhiên, ông Đ vẫn chưa liên hệ, để thực hiện nghĩa vụ tài chính để nhận giấy theo quy định.

Căn cứ vào kết quả đối thoại ngày 11-10-2017, giữa đại diện Bộ Tài nguyên và Môi trường với ông Đ, thể hiện: *“UBND thành phố B đã ký cấp giấy chứng nhận cho ông Trịnh Công Đ. Ông Đ thống nhất thực hiện nghĩa vụ tài chính và liên hệ Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh B để nhận giấy chứng nhận”*.

Như vậy, UBND thành phố B đã ký cấp giấy chứng nhận theo đúng quy định; ông Trịnh Công Đ đã nhận giấy vào ngày 28-11-2017.

2.2. Đối với yêu cầu khởi kiện thứ hai:

- Năm 1999, việc đăng ký kê khai như ông Đ đã trình bày ở trên. Ngày 29-01-2008, UBND thành phố B ký cấp giấy chứng nhận số AL 575198 cho ông Đ; tuy nhiên, thời điểm đó, ông Đ cùng với hộ ông Phạm Văn B3 và hộ ông Nguyễn Thành Đ5 có tranh chấp 01m² đường đi với Công ty xăng dầu Đ; nên chưa phát giấy chứng nhận. Đến nay, vụ việc tranh chấp đã được Đoàn Công tác Bộ Tài nguyên – Môi trường xác định tại văn bản số: 385/BTTMT-TTr ngày 23-01-2018; ông Đ đã thống nhất với quá trình sử dụng đất. Do đó, việc ông Đ yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần 87.500.000 đồng là không có cơ sở.

- Căn cứ Khoản 3, Điều 2 của Nghị định số: 45/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014; sau khi nhận giấy chứng nhận, ông Đ phải thực hiện nghĩa vụ tài chính với số tiền 4.784.050 đồng. Nay ông Đ yêu cầu UBND thành phố B phải bồi thường số tiền này là không có cơ sở.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Vũ Thị H1 là vợ ông Trịnh Công Đ và đã ủy quyền cho ông Đ; lời trình bày của bà H1 có nội dung tương tự như ông Đ.

3.2. Công ty xăng dầu Đ

Hiện nay, UBND thành phố B đã ký cấp giấy chứng nhận cho ông Đ đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại 107/5, Khu phố 9, phường T, thành phố B. Công ty xăng dầu Đ không liên quan gì đến yêu cầu khởi kiện của ông Đ và không có ý kiến gì đối với vụ án.

5. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện do ông Trần Thanh C trình bày có nội dung tương tự như người bị kiện đã trình bày nêu trên.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 16 /2018 /HC-ST ngày 17-10-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 143; Điều 165; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 của Luật Tố tụng hành chính 2015;

Áp dụng Điều 584 của Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Công Đ về việc khiếu kiện hành vi hành chính về việc không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện của ông Trịnh Công Đ về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại trong vụ án hành chính, đối với người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 18-10-2018 người khởi kiện ông Trịnh Công Đ có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Trịnh Công Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc

thẩm xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trịnh Công Đ.

1. Buộc UBND thành phố B phải bồi thường tiền tổn thất tinh thần của 07 văn bản, mỗi văn bản bằng 10 tháng lương tối thiểu, 01 tháng là 1.490.000 đồng (07 x 10 x 1.490.000 = 104.300.000 đồng).

2. Buộc UBND thành phố B phải bồi thường số tiền sử dụng đất vượt hạn mức ông Đ đã nộp 4.784.000 đồng. Tổng cộng hai khoản là 109.084.000 đồng.

- Người bị kiện: UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến: Về thủ tục tố tụng, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính, vị kiểm sát viên cũng phân tích toàn bộ các chứng cứ có thể hiện trong hồ sơ vụ án và xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Trịnh Công Đ, vị kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trịnh Công Đ. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự cũng không có cung cấp hay bổ sung thêm chứng cứ gì mới và cũng không có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án cũng như qua thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự và ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Đơn kháng cáo của ông Trịnh Công Đ là trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2018/HC-ST ngày 17-10-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Công về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại trong vụ án hành chính đối với người bị kiện UBND thành phố B là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Bởi vì: Ông Trịnh Công Đ yêu cầu bồi thường do hành vi không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; cụ thể: tổn thất về tinh thần 104.300.000 đồng; bồi thường tiền sử dụng đất vượt hạn mức số tiền 4.784.050 đồng; tổng cộng: 109.084.000 đồng (một trăm lẻ chín triệu không trăm tám mươi bốn nghìn đồng); đồng thời, đề nghị UBND thành phố B phải xin lỗi công khai ông trên phương tiện thông tin đại chúng.

- Về yêu cầu tổn thất về tinh thần 104.300.000 đồng: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ đã được UBND thành phố B ký vào ngày 29-01-2008. Việc chưa cấp giấy cho ông Đ vì nhiều lý do (tranh chấp đất đai, khiếu nại

liên quan đến đất đai); trong đó, có việc ông Đ chậm nộp nghĩa vụ tài chính để nhận giấy. Do đó, yêu cầu khởi kiện này của ông Đ không có căn cứ chấp nhận.

- Về bồi thường tiền sử dụng đất vượt hạn mức số tiền 4.784.050 đồng: Tại Bản án hành chính phúc thẩm số: 10/2010/HC-PT ngày 14-9-2010, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã xác định ông Trịnh Công Đ phải nộp 4.784.050 đồng theo Thông báo nộp nghĩa vụ tài chính của Chi cục Thuế thành phố B (bút lục từ số 40 đến 43). Đây là nghĩa vụ của người sử dụng đất để được nhận giấy chứng nhận; nay ông Đ yêu cầu UBND thành phố B phải bồi thường cho ông số tiền này là không có căn cứ.

- Từ những nội dung trên, việc yêu cầu UBND thành phố B xin lỗi công khai trên phương tiện thông tin đại chúng của ông Trịnh Công Đ cũng không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trịnh Công Đ yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay người khởi kiện ông Trịnh Công Đ cũng không có cung cấp hay bổ sung thêm tình tiết chứng cứ nào mới để làm cơ sở cho việc yêu cầu kháng cáo của ông Đ.

Từ những phân tích trên; Hội đồng xét xử xét đơn kháng cáo của ông Trịnh Công Đ là không có cơ sở để chấp nhận theo yêu cầu kháng cáo của ông Trịnh Công Đ. Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa không chấp nhận kháng cáo của ông Trịnh Công Đ. Giữ nguyên quyết định bản án Hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Về án phí phúc thẩm: Do ông Trịnh Công Đ là người cao tuổi, không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Trịnh Công Đ.

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số:16/2018/HC-ST ngày 17-10 - 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 143; Điều 165; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 của Luật tố tụng hành chính 2015;

Áp dụng Điều 584 của Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Công Đ về việc khiếu kiện hành vi hành chính về việc không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trịnh Công Đ về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại trong vụ án hành chính đối với người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

3. Về án phí: Ông Trịnh Công Đ không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án Hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu: hồ sơ (2), VP(3), 14b (LTTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Mười

